

1. Tên dự án:

2. Mục tiêu của dự án:

3. Địa điểm:

4. Thời gian thực hiện:

4.1. Thời gian bắt đầu:

4.2. Thời gian kết thúc:

5. Mục tiêu cụ thể:

6. Quy mô đầu tư:

6.1. Diện tích đất đai:

6.2. Quy mô xây dựng:

7. Các rủi ro:

7.1. Rủi ro tài chính:

7.2. Rủi ro kỹ thuật:

7.3. Rủi ro pháp lý:

7.4. Rủi ro môi trường:

7.5. Rủi ro xã hội và môi trường:

8. Hình thức đầu tư:

8.1. Hình thức đầu tư trực tiếp:

8.2. Hình thức đầu tư gián tiếp:

9. Thông tin khác:

10. Chữ ký và đóng dấu của đơn vị thực hiện:

11. Đánh giá mức độ ưu tiên:

12. Ý kiến của các bên liên quan:

13. Các tài liệu đính kèm:

14. Các tài liệu khác:

15. Các tài liệu khác:

16. Các tài liệu khác:

17. Các tài liệu khác:



MỤC LỤC

I. NHÀ ĐẦU TƯ:	2
II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH VỚI NỘI DUNG SAU:	2
1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:	2
1.1. Tên dự án:	2
1.2. Địa điểm thực hiện dự án:	3
2. Mục tiêu dự án:	3
3. Quy mô đầu tư	4
3.1. Diện tích đất sử dụng:	4
3.2. Công suất dự án, sản phẩm cung cấp:	5
3.3. Quy mô xây dựng hạng mục công trình:	5
4. Vốn đầu tư:	6
4.1. Tổng vốn đầu tư:	6
4.2. Nguồn vốn đầu tư:	6
5. Thời hạn thực hiện dự án:	7
6. Tiến độ thực hiện dự án:	7
7. Nhu cầu về lao động:	8
8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:	9
8.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án:	9
8.2. Đánh giá hiệu quả xã hội của dự án	19
9. Thông tin về đất đai:	19
10. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan:	19
11. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định	20
III. MÁY MÓC THIẾT BỊ, QUY TRÌNH SẢN XUẤT	30
1. Máy móc thiết bị sản xuất:	30
2. Quy trình sản xuất:	31
IV. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:	32

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư ngày /..... /2025)

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc

I. NHÀ ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH ORCHEM**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 140-81-33055 do Văn phòng thuế quận Siheung cấp ngày 02/01/2009.
- Địa chỉ trụ sở chính: (SihwaMTVestate 6-102) 705, Sihwabencheo-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.
- *Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:*

Họ tên: Lee Jae Hyun

Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 09/11/1961;

Quốc tịch: Hàn Quốc

Chức danh: Giám đốc đại diện

Hộ chiếu số: M75076670 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 08/12/2014.

Địa chỉ thường trú: Phòng 5305, Tòa 6 The Sharp First World, 107 Hae Dot E ro, Yeon Su gu, Incheon si, Hàn Quốc.

Chỗ ở hiện tại: Phòng 5305, Tòa 6 The Sharp First World, 107 Hae Dot E ro, Yeon Su gu, Incheon si, Hàn Quốc.

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH VỚI NỘI DUNG SAU:

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

Tên dự án: **GIA CÔNG LINH KIỆN ĐIỆN TỬ VÀ SẢN XUẤT, PHA CHẾ, KINH DOANH HÓA CHẤT PHỤC VỤ MẠ ĐỒNG LINH KIỆN ĐIỆN TỬ.**

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

Địa điểm thực hiện dự án tại: Khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

2. Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất linh kiện điện tử, chi tiết: - Mạ đồng cho sản xuất (bảng mạch điện tử) PCB.	2610
2	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Sản xuất, pha chế dung dịch phục vụ mạ đồng linh kiện điện tử (để sử dụng trực tiếp phục vụ dự án của Công ty và cung cấp cho các công ty bên ngoài trong trường hợp không sử dụng hết).	2029
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa (Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).	4669

- Các nguyên liệu, vật liệu chính sử dụng cho hoạt động sản xuất của công ty được nhập trực tiếp từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước, hầu hết các loại hóa chất sử dụng cho dự án được nhập trực tiếp từ Hàn Quốc hoặc các đơn vị phân phối tại Việt Nam. Công ty không sử dụng nguyên vật liệu tái chế và các nguyên liệu, vật liệu, thuộc hàng cấm theo quy định của Việt Nam.
- Đối với mục tiêu “Mạ đồng cho sản xuất (bảng mạch điện tử) PCB; Sản xuất, pha chế dung dịch phục vụ mạ đồng linh kiện điện tử”: Công ty thực hiện các quy định, tiêu chuẩn đối với cơ sở sản xuất, pha chế và kinh doanh hóa chất; xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, quản lý an toàn đảm bảo theo quy định của:
 - + Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc Hội; Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch (Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hóa chất);

- + Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương;
- + Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.
- + Thông tư 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công thương, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương, quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất .
- Đối với mục tiêu “Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa”:
 - + Công ty thực hiện các quy định tại Luật Quản lý ngoại thương năm 2017, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
 - + Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
 - + Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính ban hành danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

3. Quy mô đầu tư

3.1. Diện tích đất sử dụng:

Diện tích đất (thuê) sử dụng: 8.265m² (Theo Hợp đồng thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng KCN Khai Quang số 62/16/HĐTD-VPID ngày 07/11/2016; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DL 341758 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21/9/2023).

3.2. Công suất dự án, sản phẩm cung cấp:

- Mạ đồng cho sản xuất (bảng mạch điện tử) PCB: 210.240.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất, pha chế dung dịch phục vụ mạ đồng linh kiện điện tử: 3.000 tấn sản phẩm/năm (để sử dụng trực tiếp phục vụ dự án của công ty và cung cấp cho các công ty bên ngoài trong trường hợp không sử dụng hết).
- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa: 3.000 tấn sản phẩm/năm.

3.3. Quy mô xây dựng hạng mục công trình:

Các hạng mục công trình đã được đầu tư xây dựng xong và đang đi vào hoạt động theo Giấy phép xây dựng số 04-KQ/GPXD ngày 14/4/2017, Giấy phép xây dựng số 04-KQ-GPXD ngày 27/11/2020, Giấy phép xây dựng số 61/GPXD ngày 20/12/2021, và được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DL 341758 cấp ngày 21/9/2023.

Các hạng mục công trình được xây dựng cơ bản như sau:

- a. Diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 4.791,6m², chiếm 58% tổng diện tích đất. Trong đó:
 - Nhà xưởng 1: Thiết kế 1 tầng, diện tích xây dựng: 1.665,9 m².
 - Nhà xưởng 2: Thiết kế 2,5 tầng, diện tích xây dựng: 1.900 m².
 - Nhà văn phòng: Thiết kế 3 tầng, diện tích xây dựng: 256,9 m².
 - Nhà kho: Thiết kế 1 tầng, diện tích xây dựng: 539,9 m².
 - Khu để xe: Thiết kế 1 tầng, diện tích xây dựng: 60 m².
 - Nhà chứa rác: Thiết kế 1 tầng, diện tích xây dựng: 40 m².
 - Nhà phụ trợ: Thiết kế 1 tầng, diện tích xây dựng: 40 m².
 - Nhà bảo vệ: Thiết kế 1 tầng, diện tích xây dựng: 40 m².

- Trạm bơm: Diện tích xây dựng: 28,9 m².
 - Bể nước: Diện tích 220 m².
- b. Diện tích sân bãi, đường nội bộ, cây xanh: Thực hiện trên phần diện tích đất còn lại.

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư: **281.494.005.580 VNĐ** (Hai trăm tám mươi một tỷ, bốn trăm chín mươi tư triệu, không trăm linh năm ngàn, năm trăm tám mươi) đồng Việt Nam, tương đương 12.000.000 USD (Mười hai triệu) đô la Mỹ. Trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: **65.670.000.000 VNĐ** (Sáu mươi lăm tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu) đồng Việt Nam, tương đương 3.000.000 USD (Ba triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 25% tổng vốn đầu tư.
- Vốn huy động: **215.824.005.580 VNĐ** (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, không trăm linh năm ngàn, năm trăm tám mươi) đồng Việt Nam, tương đương 9.000.000 USD (Chín triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 75% tổng vốn đầu tư. Bao gồm:
 - + Vốn đã huy động thực hiện dự án: 139.324.005.580 VNĐ (Một trăm ba mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi tư triệu, không trăm linh năm ngàn, năm trăm tám mươi) đồng Việt Nam, tương đương 6.000.000 USD (Sáu triệu) đô la Mỹ.
 - + Vốn chuẩn bị huy động: 76.500.000.000 VNĐ (Bảy mươi sáu tỷ, năm trăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 3.000.000 USD (Ba triệu) đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư:

Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ %	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
	VNĐ	Tương đương USD			
Công ty	65.670.000.000	3.000.000	100%	Tiền mặt	Đã góp

TNHH Orchem					đủ
----------------	--	--	--	--	----

- b) Vốn huy động: **215.824.005.580 VNĐ** (*Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, không trăm linh năm ngàn, năm trăm tám mươi*) đồng Việt Nam, tương đương 9.000.000 USD (*Chín triệu*) đô la Mỹ. Phương án huy động: Công ty dự kiến huy động từ công ty mẹ và các tổ chức khác.

5. Thời hạn thực hiện dự án:

Thời hạn thực hiện dự án: 37 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu (từ ngày 25/12/2015).

6. Tiến độ thực hiện dự án:

- a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp thực hiện dự án: **65.670.000.000 VNĐ** (*Sáu mươi lăm tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu đồng Việt Nam*), tương đương 3.000.000 USD (*Ba triệu đô la Mỹ*), đã được Nhà đầu tư góp đủ.

- Tiến độ huy động vốn: **215.824.005.580 VNĐ** (*Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, không trăm linh năm ngàn, năm trăm tám mươi*) đồng Việt Nam, tương đương 9.000.000 USD (*Chín triệu*) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 75% tổng vốn đầu tư. Bao gồm:

+ Vốn đã huy động thực hiện dự án: 139.324.005.580 VNĐ (*Một trăm ba mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi tư triệu, không trăm linh năm ngàn, năm trăm tám mươi*) đồng Việt Nam, tương đương 6.000.000 USD (*Sáu triệu*) đô la Mỹ.

+ Vốn chuẩn bị huy động: 76.500.000.000 VNĐ (*Bảy mươi sáu tỷ, năm trăm triệu*) đồng Việt Nam, tương đương 3.000.000 USD (*Ba triệu*) đô la Mỹ, được Nhà đầu tư huy động theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của dự án và đảm bảo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

- b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư:

Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư:

- Đối với mục tiêu “Mạ đồng cho sản xuất PCB gắn với quy mô 210.240.000 sản phẩm/năm”; “Sản xuất, pha chế dung dịch phục vụ

mạ đồng linh kiện điện tử gắn với quy mô 1.000 tấn sản phẩm/năm”;
 “Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối
 bán buôn gắn với quy mô 1.000 tấn sản phẩm/năm”: Đã đi vào hoạt
 động.

- Đối với việc tăng thêm sản lượng 2.000 tấn (từ 1.000 tấn thành 3.000 tấn) sản xuất, pha chế dụng dịch phụ vụ mạ đồng linh kiện điện tử; và 2.000 (từ 1.000 tấn thành 3.000 tấn) kinh doanh nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn):

Dự kiến đi vào hoạt động từ tháng 10/2025 (sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện yêu cầu về môi trường, kinh doanh hoạt động hóa chất theo quy định pháp luật Việt Nam).

7. Nhu cầu về lao động:

- Tổng nhu cầu về lao động: 100 người (Công ty tính toán tương đối số lượng lao động làm việc ở thời điểm hiện tại, đến ngày 28/02/2025, Công ty có 100 nhân viên đang làm việc), trong đó: Lao động người Việt Nam: 95 người, lao động nước ngoài: 05 người. Lực lượng lao động này tuyển đủ khi dự án đi vào hoạt động.
- Cơ cấu tổ chức điều hành hoạt động của dự án bao gồm Tổng Giám đốc và các bộ phận chuyên môn. Bộ phận chuyên môn gồm có: Bộ phận hành chính kế toán; Bộ phận sản xuất; Bộ phận kỹ thuật; Bộ phận chất lượng.

Cơ cấu và số lượng lao động sử dụng.

TT	Hạng mục	Số lượng
A	Tổng Giám đốc	1
B	Bộ phận chuyên môn	
1	Bộ phận hành chính kế toán	
	Trưởng bộ phận	1
	Nhân viên kế toán-hành chính	10
2	Bộ phận sản xuất	
	Trưởng bộ phận	1
	Công nhân	70
3	Bộ phận kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển	
	Trưởng bộ phận	1
	Công nhân	10

4	Bộ phận chất lượng	
	Trưởng bộ phận	1
	Công nhân	5
	Tổng cộng lao động	100

Tổng số lao động làm việc trực tiếp cho dự án khoảng 100 người.

Chế độ tuyển dụng, đào tạo và tiền lương:

Hằng năm, dựa vào đơn đặt hàng và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bộ phận kế toán – hành chính sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên.

Tùy theo từng thời kỳ, các bộ phận có nhu cầu tuyển dụng sẽ gửi yêu cầu tuyển dụng về phòng hành chính- kế toán tổng hợp, báo cáo quản lý phê duyệt và thông báo tuyển dụng rộng rãi trên các trang web tuyển dụng hoặc trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh.

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định của nhà nước. Chế độ thưởng theo năng suất làm việc được áp dụng thường xuyên.

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

8.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án.

8.1.1. Công suất của dự án

Để thuận tiện cho việc tính toán tài chính, dự án lấy năm hoạt động thứ nhất để tính toán hiệu quả tài chính là năm dự án điều chỉnh được chấp thuận. Dự kiến ngay từ năm hoạt động thứ nhất, dự án đạt 100% công suất do hiện nay dự án đang hoạt động.

8.1.2. Doanh thu

Hiện nay, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị đã được trang bị đầy đủ và đang đi vào hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của dự án từng bước được cải thiện. Hình thức kinh doanh của dự án là: Mạ đồng cho sản xuất bảng mạch điện tử PCB; Sản xuất, pha chế dung dịch mạ đồng linh kiện điện tử; Nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối bán buôn hóa chất, nên doanh thu của dự án được tính toán bằng doanh thu từ mạ đồng, sản xuất, pha chế và từ hoạt động xuất - nhập khẩu, phân phối hóa chất. Với sản lượng và công suất hoạt động, dự kiến doanh thu năm hoạt động ổn định sau điều chỉnh như sau:

Hạng mục	Đơn vị	Số lượng/năm	Giá bán (VNĐ)	Doanh thu (VNĐ)
----------	--------	--------------	---------------	-----------------

Mạ đồng cho sản xuất bảng mạch điện tử PCB	sản phẩm/năm	210.240.000	750	157.680.000.000
Sản xuất, pha chế dung dịch mạ đồng linh kiện điện tử	tấn sản phẩm/năm	3.000	30.000.000	90.000.000.000
Nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối bán buôn hóa chất	tấn sản phẩm/năm	3.000	22.000.000	66.000.000.000
Tổng doanh thu				313.680.000.000

Với sản lượng và công suất hoạt động, dự kiến doanh thu qua các năm như sau (có tính toán đến thay đổi giá 1,5%/năm do yếu tố lạm phát). Doanh thu 10 năm hoạt động đầu tư sau điều chỉnh tương ứng với công suất hoạt động của dự án như sau (triệu đồng):

Mục	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Công suất	100%	100%	100%	100%	100%
Mạ đồng cho sản xuất bảng mạch điện tử PCB	157.680.000.000	160.045.200.000	162.445.878.000	164.882.566.170	167.355.804.663
Sản xuất, pha chế dung dịch mạ đồng linh kiện điện tử	90.000.000.000	91.350.000.000	92.720.250.000	94.111.053.750	95.522.719.556
Nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối bán buôn hóa chất	66.000.000.000	66.990.000.000	67.994.850.000	69.014.772.750	70.049.994.341
Tổng doanh thu	313.680.000.000	318.385.200.000	323.160.978.000	328.008.392.670	332.928.518.560

Mục	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
Công suất	100%	100%	100%	100%	100%
Mạ đồng cho sản xuất bảng mạch điện tử PCB	169.866.141.732	172.414.133.858	175.000.345.866	177.625.351.054	180.289.731.320
Sản xuất, pha chế dung dịch mạ đồng linh kiện điện tử	96.955.560.350	98.409.893.755	99.886.042.161	101.384.332.794	102.905.097.785
Nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối bán buôn hóa chất	71.100.744.256	72.167.255.420	73.249.764.252	74.348.510.715	75.463.738.376
Tổng doanh thu	337.922.446.338	342.991.283.034	348.136.152.279	353.358.194.563	358.658.567.482

8.1.3. Chi phí hoạt động

Chi phí nguyên liệu, hàng hóa đầu vào:

Đó là chi phí được tính trên cơ sở giá mua các loại nguyên liệu chính đầu vào của doanh nghiệp để hoạt động sản xuất hàng hóa. Chi phí nguyên liệu chính ước tính khoảng 60% doanh thu từ mạ đồng cho sản xuất PCB, 65% doanh thu từ sản xuất, pha chế dung dịch mạ đồng, 70% doanh thu từ hoạt động xuất-nhập khẩu, phân phối hóa chất. (Chi tiết tại bảng 10 Phụ lục tính toán tài chính)

Chi phí nguyên liệu phụ:

Đó là chi phí được tính trên cơ sở giá mua các loại nguyên liệu phụ đầu vào của doanh nghiệp để hoạt động sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên liệu phụ phụ thuộc vào mức độ hoạt động hàng năm, được tính toán bằng khoảng 2% chi phí nguyên liệu, hàng hóa đầu vào. (Chi tiết tại bảng 10 Phụ lục tính toán tài chính).

Chi phí nhiên liệu, điện, nước...:

Chi phí phát sinh trong quá trình vận hành và đưa dự án vào hoạt động kinh doanh bao gồm: Chi phí nước sạch, tiền điện, nhiên liệu cho vận hành của dây chuyền hoạt động và các chi phí liên quan khác, dự kiến khoảng 6.000.000.000 VNĐ/năm hoạt động thứ nhất sau điều chỉnh. (Chi tiết tại bảng 10 Phụ lục tính toán tài chính)

Chi phí tiền lương, bảo hiểm cho người lao động:

Đây là chi phí cố định trả cho người lao động, không phụ thuộc vào doanh thu của dự án. Dự tính rằng, lương của cán bộ công nhân viên sẽ được giữ ổn định trong 5 năm đầu tiên, từ năm thứ 6, mỗi năm sẽ tăng bình quân 1,5%.

Chi phí lương bình quân 5 năm hoạt động đầu tiên như sau:

TT	Hạng mục	Số lượng	Tiền lương tháng/ng	Tổng chi lương năm
A	Tổng Giám đốc	1	150.000.000	1.800.000.000
B	Bộ phận chuyên môn			
1	Bộ phận hành chính kế toán			
	Trưởng bộ phận	1	15.000.000	180.000.000
	Nhân viên kế toán-hành chính	10	10.000.000	1.200.000.000
2	Bộ phận sản xuất			
	Trưởng bộ phận	1	15.000.000	180.000.000
	Công nhân	70	10.000.000	8.400.000.000
3	Bộ phận kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển			
	Trưởng bộ phận	1	15.000.000	180.000.000
	Công nhân	10	10.000.000	1.200.000.000
4	Bộ phận chất lượng			
	Trưởng bộ phận	1	10.000.000	120.000.000
	Công nhân	5	9.000.000	540.000.000
	Tổng cộng lao động và tiền lương	100		13.800.000.000

Tính toán tiền lương cho người lao động tại phần trên cho thấy, một năm, chi phí khoảng 13.800.000.000 VNĐ. Chi phí bảo hiểm được tính bằng khoảng 21,5% (doanh nghiệp đóng BHXH: 17%, BH TNLĐ-BNN: 0,5%, BHYT: 3% và BHTN: 1%) quỹ lương. (Chi tiết tại bảng 7 Phụ lục tính toán tài chính)

Chi phí khấu hao tài sản cố định:

Khấu hao tài sản định được tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Đối với hạng mục công trình xây dựng cơ bản, khấu hao đều trong 20 năm; đối với máy móc, thiết bị khấu hao đều trong 10 năm. (Chi tiết tại bảng 8 Phụ lục tính toán tài chính)

Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ:

Là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định bao gồm chi phí mua vật tư, phụ tùng thay thế cho thiết bị, các chi phí tái đầu tư vào tài sản

cố định giúp cho dự án cải tiến kỹ thuật quan trọng và duy trì được thế cạnh tranh trên thị trường, dự kiến chiếm 3% chi phí đầu tư máy móc, thiết bị. (Chi tiết tại bảng 10 Phụ lục tính toán tài chính)

Chi phí lãi vay:

Chi phí lãi vay là lãi Công ty trả cho tổ chức tín dụng để vay vốn đầu tư. Đối với nguồn vốn vay dài hạn, nhà đầu tư huy động từ công ty mẹ (theo số liệu trong BCTC năm 2023) nên không phải trả lãi. Đối với nguồn vốn vay ngắn hạn, nhà đầu tư dự kiến vay từ công ty mẹ, vay từ các tổ chức khác với mức lãi suất dự kiến là 10%/năm. (Chi tiết tại bảng 9 Phụ lục tính toán tài chính).

Các chi phí liên quan đến hạ tầng Khu công nghiệp, xử lý nước thải:

Dự kiến chi phí này khoảng 122.318.750 VNĐ/năm (Chi tiết tại bảng 10 Phụ lục tính toán tài chính).

Chi phí kinh doanh, vận chuyển:

Đây là chi phí vận chuyển và chi phí marketing, quảng cáo, tiếp thị..., ước tính bằng 5% tổng các khoản chi phí khác hàng năm. (Chi tiết tại bảng 10 Phụ lục tính toán tài chính)

Chi phí quản lý và chi phí khác:

Chi phí này gồm chi phí tiếp khách, đi lại, văn phòng phẩm... dự kiến khoảng 2% tổng các khoản chi phí khác hàng năm. (Chi tiết tại bảng 10 Phụ lục tính toán tài chính).

Bảng tổng hợp chi phí qua các năm: Tổng hợp chi phí hoạt động trong 10 năm hoạt động đầu tiên sau điều chỉnh như sau:

TT	Hạng mục	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
	<i>Công suất</i>	100%	100%	100%	100%	100%
1	Chi phí nguyên liệu, hàng hóa đầu vào	199.308.000.000	202.297.620.000	205.332.084.300	208.412.065.565	211.538.246.548
2	Chi phí nguyên liệu phụ	3.986.160.000	4.045.952.400	4.106.641.686	4.168.241.311	4.230.764.931
3	Chi phí nhiên liệu, điện nước...	6.000.000.000	12.735.408.000	12.926.439.120	13.120.335.707	13.317.140.742
4	Chi phí tiền lương	13.800.000.000	13.800.000.000	13.800.000.000	13.800.000.000	13.800.000.000
5	Bảo hiểm YT, XH, CPCĐ	2.967.000.000	2.967.000.000	2.967.000.000	2.967.000.000	2.967.000.000
6	Khấu hao TSCĐ	11.336.977.266	11.336.977.266	11.336.977.266	11.336.977.266	11.336.977.266
7	Bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ	2.580.952.566	2.580.952.566	2.580.952.566	2.580.952.566	2.580.952.566
8	Lãi vốn vay dài hạn	-	-	-	-	-
9	Lãi vốn vay ngắn hạn	4.568.800.558	4.568.800.558	4.568.800.558	4.568.800.558	4.568.800.558
10	Các chi phí liên quan đến hạ tầng KCN, xử lý nước thải	122.318.750	122.318.750	122.318.750	122.318.750	122.318.750
11	Chi phí kinh doanh, vận chuyển	12.233.510.457	12.722.751.477	12.887.060.712	13.053.834.586	13.223.110.068
12	Chi phí quản lý và chi phí khác	5.138.074.392	5.343.555.620	5.412.565.499	5.482.610.526	5.553.706.229
	Tổng chi phí hàng năm	262.041.793.989	272.521.336.637	276.040.840.458	279.613.136.835	283.239.017.658

TT	Hạng mục	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
	<i>Công suất</i>	100%	100%	100%	100%	100%
1	Chi phí nguyên liệu, hàng hóa đầu vào	214.711.320.246	217.931.990.050	221.200.969.901	224.518.984.449	227.886.769.216
2	Chi phí nguyên liệu phụ	4.294.226.405	4.358.639.801	4.424.019.398	4.490.379.689	4.557.735.384
3	Chi phí nhiên liệu, điện nước...	13.516.897.854	13.719.651.321	13.925.446.091	14.134.327.783	14.346.342.699
4	Chi phí tiền lương	14.007.000.000	14.217.105.000	14.430.361.575	14.646.816.999	14.866.519.254
5	Bảo hiểm YT, XH, CPCĐ	3.011.505.000	3.056.677.575	3.102.527.739	3.149.065.655	3.196.301.640
6	Khấu hao TSCĐ	11.336.977.266	11.336.977.266	11.336.977.266	11.336.977.266	11.336.977.266
7	Bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ	2.580.952.566	2.580.952.566	2.580.952.566	2.580.952.566	2.580.952.566
8	Lãi vốn vay dài hạn	-	-	-	-	-
9	Lãi vốn vay ngắn hạn	4.568.800.558	4.568.800.558	4.568.800.558	4.568.800.558	4.568.800.558
10	Các chi phí liên quan đến hạ tầng KCN, xử lý nước thải	122.318.750	122.318.750	122.318.750	122.318.750	122.318.750
11	Chi phí kinh doanh, vận chuyển	13.407.499.932	13.594.655.644	13.784.618.692	13.977.431.186	14.173.135.867
12	Chi phí quản lý và chi phí khác	5.631.149.972	5.709.755.371	5.789.539.851	5.870.521.098	5.952.717.064
	Tổng chi phí hàng năm	287.188.648.548	291.197.523.902	295.266.532.386	299.396.575.998	303.588.570.263

8.1.4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Dự trừ lỗ lãi: Tính toán doanh thu và chi phí, lợi nhuận ròng của dự án trong 10 năm hoạt động đầu tiên sau điều chỉnh như sau:

Khoản mục	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Công suất	100%	100%	100%	100%	100%
Lỗ lãi					
Doanh thu	313.680.000.000	318.385.200.000	323.160.978.000	328.008.392.670	332.928.518.560
Chi phí	262.041.793.989	272.521.336.637	276.040.840.458	279.613.136.835	283.239.017.658
LN trước thuế	51.638.206.011	45.863.863.363	47.120.137.542	48.395.255.835	49.689.500.902
Thuế TNDN					
T.suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%	20%
Thuế thu TNDN	10.327.641.202	9.172.772.673	9.424.027.508	9.679.051.167	9.937.900.180
Lợi nhuận ròng	41.310.564.809	36.691.090.690	37.696.110.034	38.716.204.668	39.751.600.722
Trích quỹ					
Dự phòng 5% LNR	2.065.528.240	1.834.554.535	1.884.805.502	1.935.810.233	1.987.580.036
Quỹ khác 15%LNR	6.196.584.721	5.503.663.604	5.654.416.505	5.807.430.700	5.962.740.108
LN ròng chia	33.048.451.847	29.352.872.552	30.156.888.027	30.972.963.734	31.801.280.577

Khoản mục	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
Công suất	100%	100%	100%	100%	100%
Lỗ lãi					
Doanh thu	337.922.446.338	342.991.283.034	348.136.152.279	353.358.194.563	358.658.567.482
Chi phí	287.188.648.548	291.197.523.902	295.266.532.386	299.396.575.998	303.588.570.263
LN trước thuế	50.733.797.790	51.793.759.131	52.869.619.893	53.961.618.565	55.069.997.218
Thuế TNDN					
T.suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%	20%
Thuế thu TNDN	10.146.759.558	10.358.751.826	10.573.923.979	10.792.323.713	11.013.999.444
Lợi nhuận ròng	40.587.038.232	41.435.007.305	42.295.695.914	43.169.294.852	44.055.997.775
Trích quỹ					
Dự phòng 5% LNR	2.029.351.912	2.071.750.365	2.114.784.796	2.158.464.743	2.202.799.889
Quỹ khác - 15%LNR	6.088.055.735	6.215.251.096	6.344.354.387	6.475.394.228	6.608.399.666
LN ròng chia	32.469.630.586	33.148.005.844	33.836.556.731	34.535.435.882	35.244.798.220

Hiện giá hiện tại thuần: NPV của dự án = 34.691.000.000 VNĐ

Tỷ suất hoàn vốn nội bộ của dự án : IRR= 12,57%.

Thời gian thu hồi vốn giản đơn: 4 năm 7 tháng kể từ ngày dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời gian thu hồi vốn có chiết khấu: 7 năm 5 tháng kể từ ngày dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

8.2. Đánh giá hiệu quả xã hội của dự án

- Đóng góp vào nguồn thu cho ngân sách địa phương. Những năm đầu ước tính nộp vào ngân sách khoảng hơn: 12.000.000.000 đồng, từ những năm thứ 10 trở đi bình quân mỗi năm nộp khoảng 18.000.000.000 đồng.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Dự án góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương.
- Tạo việc làm ổn định cho khoảng 100 lao động trực tiếp, mà chủ yếu là lao động phổ thông, lao động chưa qua đào tạo tại địa phương.
- Việc tập trung một số lượng lao động tại địa phương làm tăng cơ hội kinh doanh và việc làm gián tiếp cho người dân trong khu vực, thông qua các dịch vụ phục vụ cho hoạt động của dự án và quá trình làm việc, sinh hoạt của cán bộ, công nhân trong nhà máy.

9. Thông tin về đất đai

Hiện trạng là đất Khu công nghiệp tại Khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nhà đầu tư thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 341758 ngày 21/9/2023.

10. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan

Khu công nghiệp Khai Quang đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mở rộng Khu công

nghiệp Khai Quang (mở rộng diện tích từ 216,24ha lên 223,81ha) tại Quyết định số 1149/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2021 và cấp Giấy phép số 259/GPMT-BTNMT ngày 19/10/2022.

Mục tiêu của dự án là sản xuất, gia công linh kiện điện tử và sản xuất, pha chế, kinh doanh hóa chất phục vụ mạ đồng linh kiện điện tử thuộc nhóm ngành sản xuất linh kiện điện tử và sản xuất, pha chế, kinh doanh, phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Khai Quang.

Dự án đã được Sở Công thương tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất, sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số 4/GCN-SCT ngày 23/8/2021 (cấp điều chỉnh lần 1).

11. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định

Dự án đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép môi trường số 2697/GPMT-UBND ngày 30/12/2022, bên cạnh đó, nhà đầu tư chấp hành đầy đủ báo cáo quan trắc môi trường hàng Quý theo thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Các tác động đến môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường chúng tôi xin nêu sơ bộ như sau:

11.1. Tác động tới môi trường

Khi nhà máy đi vào hoạt động sẽ có những phát sinh ảnh hưởng tới môi trường, các yếu tố có thể ảnh hưởng tới môi trường như bụi, rác thải, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung.

- ❖ **Chất thải rắn:** Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất:
 - Rác thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động làm việc tại dự án. Thành phần gồm: Thức ăn thừa, vỏ chai, túi nilon, giấy, nhựa... khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 624kg/năm. Lượng rác thải này nếu không được thu gom hiệu quả sẽ gây tác động đến môi trường khu vực dự án do quá trình cuốn trôi của nước mưa.
 - Rác thải rắn từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án chủ yếu là sản phẩm loại do không đạt tiêu chuẩn hoặc những phần thừa

của sản phẩm. Ước tính lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh thường xuyên khoảng 345 kg/tháng. Thành phần chủ yếu của chất thải này là mảnh vụn hợp kim, mặt hợp kim, bìa carton, giấy vụn văn phòng, các loại palet cũ hỏng,... Là những chất thải không có nhiều tác động tiêu cực đến môi trường, là nguyên liệu để tái chế và sử dụng.

❖ Chất thải rắn nguy hại phát sinh từ dự án gồm: Pin thải, giẻ lau, găng tay, bóng đèn huỳnh quang, mực in thải... Chất thải này nếu không được tập trung, thu gom và xử lý đúng quy định thì có thể gây ra hiện tượng cháy nổ do phản ứng hóa học... gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe con người. Dự kiến khối lượng chất thải này khoảng 1.098.145 kg/năm.

❖ Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình vệ sinh, ăn uống của cán bộ, nhân viên và công nhân của công ty. Nước thải này có chứa nhiều chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, cặn bã, sinh vật, VSV, hợp chất chưa Nitơ.... Nếu nước thải không được xử lý đảm bảo quy định sẽ ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước chung của KCN Khai Quang.
- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất và hệ thống xử lý khí thải bao gồm các loại sau:
 - + Nước thải từ công đoạn vệ sinh dụng cụ thí nghiệm, dụng cụ sản xuất thành phần bao gồm dung dịch axit, bazơ, dung dịch điện phân.
 - + Nước thải từ công đoạn rửa bảng mạch của quy trình, bao gồm: quy trình PCB mỏng, quy trình làm sạch PCB dày, quy trình mạ hóa học và quy trình mạ điện phân.
 - + Nước thải từ công đoạn rửa vệ sinh các bể định kỳ (bao gồm các bể hóa chất và bể rửa).
 - + Nước thải từ quá trình lọc nước RO-DI.
- Nước mưa chảy tràn: Khi mưa, nước mưa sẽ cuốn theo các chất bẩn như cát, bụi, đất, lá cây... Do có độ đục trong nước mưa chảy tràn lớn gây ảnh hưởng đến khả năng làm sạch nước, gây ô nhiễm nguồn nước

mặt tại khu vực tiếp nhận. Công ty sẽ có các biện pháp kỹ thuật để thu gom, hạn chế các chất ô nhiễm từ nguồn nước này.

- ❖ **Khí thải:** Phát sinh từ công đoạn pha chế hóa chất tại nhà xưởng 1 và từ quy trình mạ đồng cho PCB tại nhà xưởng 2. Dự án có 03 dòng khí thải (tương ứng với 03) ống khói xả khí thải với tổng lưu lượng khí thải là 84.000m³/giờ.
- ❖ **Tiếng ồn, độ rung:** Phát sinh từ hoạt động của các dây chuyền sản xuất tại nhà xưởng. Ngoài ra, tiếng ồn còn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện lưu thông trong khu vực thực hiện dự án như: xe nâng, xe máy,...
- ❖ **Các tác động khác:** sự cố cháy nổ, thiên tai, sấm sét, giao thông.

11.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường:

a) Xử lý chất thải rắn:

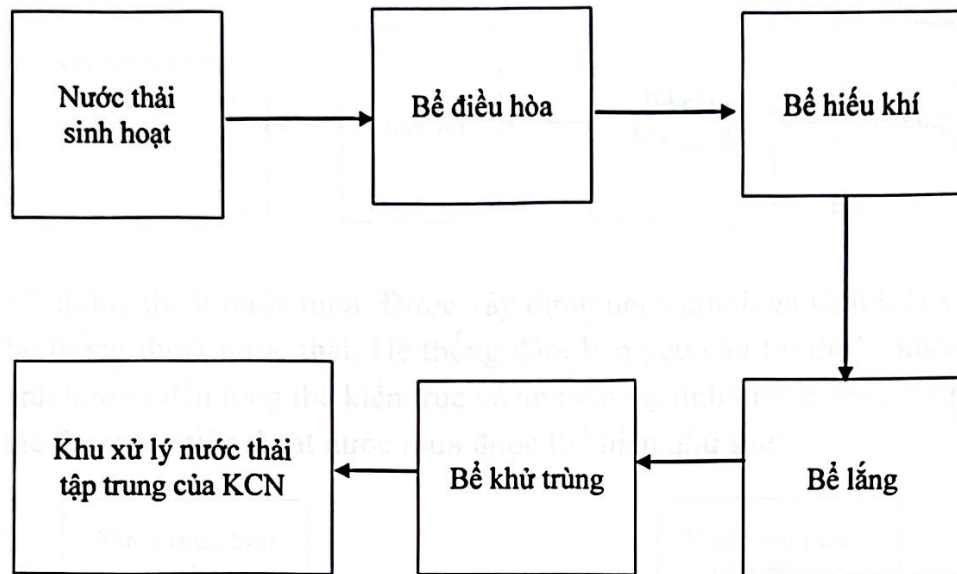
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt với số lượng không lớn, công ty sẽ chú trọng việc thu gom, vệ sinh đảm bảo không làm ảnh hưởng đến môi trường trong khu công nghiệp. Công ty bố trí các thùng rác chuyên dụng đặt ở khu văn phòng, nhà vệ sinh, nhà bếp, nhà ăn... để thuận tiện cho việc bỏ rác của công nhân. Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị Vĩnh Yên thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất 01 lần/tuần. Riêng đối với lượng thức ăn thừa sẽ do nhân viên nhà bếp tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, giảm thiểu phát sinh chất thải ra ngoài môi trường.
- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Công ty bố trí các thùng chứa bằng nhựa loại 30L – 60L và các thùng rác bằng inox loại 90L có nắp đậy, bao túi mềm bằng nilon, phân loại và bảo quản theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Sau đó được vận chuyển đến các kho chứa để xử lý theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Chất thải rắn nguy hại được đựng trong các thùng chứa bằng nhựa cứng composite dung tích 60L – 120L, ghi mã cụ thể và được thu gom tập trung tại kho chứa. Khu vực đặt bồn chứa được trang bị bình bọt chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và trang bị cát

تاریخ

b) Xử lý nước thải:

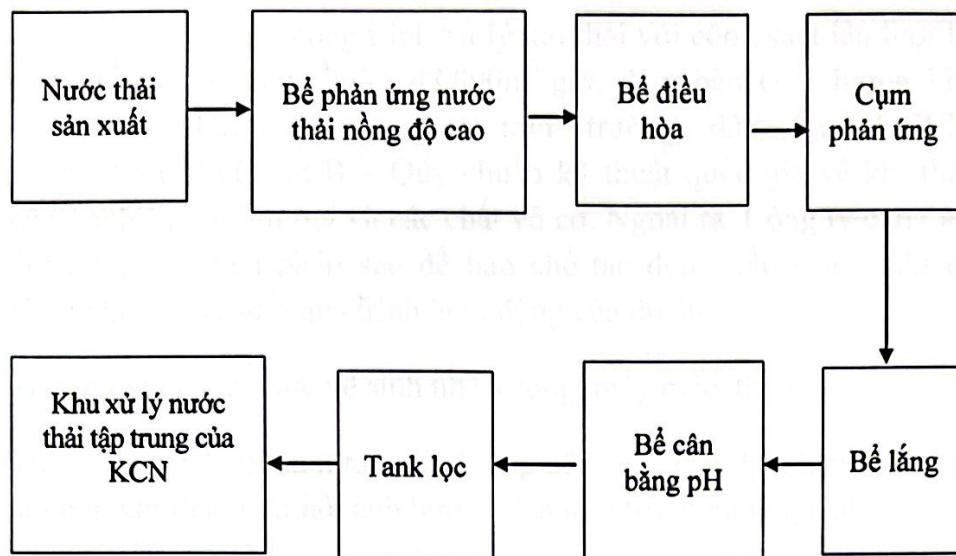
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom về 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý, phân hủy được các tạp chất. Sau khi xử lý, nước thải đạt tiêu chuẩn sẽ được đổ vào đường gom nước thải chung của Khu công nghiệp Khai Quang.

- Quy trình xử lý:

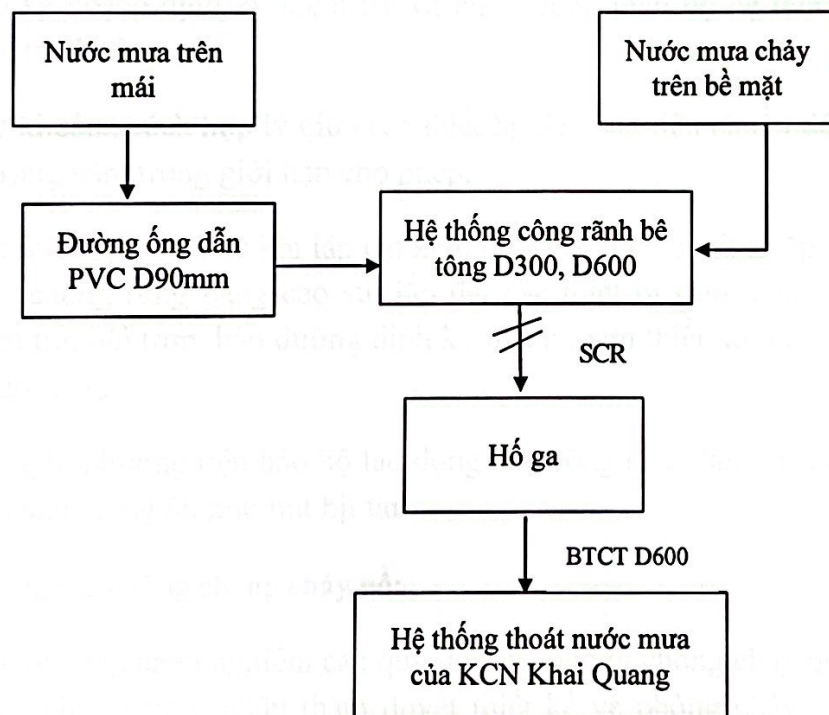


- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất và được thu gom về 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất $700\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, sau đó được đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A đối với các chỉ tiêu Cu, Fe, Ni, Zn và cột B đối với các chỉ tiêu còn lại.

- Quy trình xử lý:



- Hệ thống thoát nước mưa: Được xây dựng hoàn chỉnh và tách biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không ảnh hưởng đến tổng thể kiến trúc và an toàn vệ sinh môi trường. Công tác thu gom, tiêu thoát nước mưa được thể hiện như sau:



c) Xử lý khí thải:

Công ty xây dựng 3 công trình xử lý khí thải với công suất lần lượt là 6.000m³/giờ, 30.000m³/giờ, 48.000m³/giờ, đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng một số biện pháp sau để hạn chế tác động xấu của ô nhiễm không khí trong suốt quá trình hoạt động của dự án:

- Thường xuyên tổ chức vệ sinh nhà xưởng, máy móc, thiết bị.
- Trồng cây xanh, phun nước rửa đường nội bộ... đảm bảo hạn chế phát tán bụi, khí thải, mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

d) Một số biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu một cách triệt để và hiệu quả các tác động xấu của ô nhiễm không khí trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Công ty áp dụng một số biện pháp cụ thể như sau:

- Lên kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc tại dự án.
- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép.
- Các thiết bị máy móc khi lắp đặt kèm theo các thiết bị như: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, lắp đặt các thiết bị cánh âm, tổ chức kiểm tra, bôi trơn, bảo dưỡng định kỳ nhằm giảm thiểu tối đa tiếng ồn và độ rung.
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở vị trí phát sinh tiếng ồn như nút bịt tai.

11.3. Công tác phòng chống cháy nổ:

Nhà đầu tư chấp hành nghiêm các quy định về phòng chống cháy nổ và đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 28/TD-PCCC ngày 06/01/2017; Số 179/TD-PCCC ngày 18/9/2020; Số 291/TD-PCCC ngày 24/11/2021; văn bản số 93/TD-PCCC&CNCH ngày 12/4/2023; văn bản số 149/TD-PCCC&CNCH ngày

27/6/2023 và các biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Do vậy, nhà đầu tư xin nêu sơ bộ, công tác phòng chống cháy nổ như sau:

- Xây dựng hệ thống điện, hệ thống PCCC theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.
- Định kỳ 01 năm/lần phối hợp với các cơ quan chức năng về PCCC tổ chức phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ, công nhân viên tại nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi sự cố xảy ra.
- Bảo dưỡng các thiết bị PCCC định kỳ 1 năm/1 lần; tự kiểm tra các thiết bị 1 tháng/1 lần.
- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.
- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.
- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng, độc lập với các thiết bị khác.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước.

Phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

- Hóa chất sử dụng được chứa trong các thiết bị chuyên dụng, sắp xếp ngay ngắn trong kho.
- Xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định.
- Tính toán khối lượng sử dụng để lên kế hoạch nhập khẩu hợp lý nhằm hạn chế việc lưu giữ khối lượng lớn và thời gian dài trong kho.

- Trong quá trình nhập kho, kiểm tra kỹ bao bì, phuy, can chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt, vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh bị rò rỉ, tràn đổ.
- Lao động làm việc cho dự án sẽ được huấn luyện về an toàn trong sử dụng hóa chất và kỹ thuật, thao tác trong sử dụng hóa chất, vệ sinh lao động, được khám sức khỏe định kỳ và trang bị các phương tiện bảo hộ lao động chuyên dụng theo quy định của pháp luật.
- Lắp đặt các biển báo nguy hiểm, nội quy quy định về an toàn lao động trong tất cả các khâu sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo 100% các thiết bị được vận hành đúng theo quy cách và an toàn.

11.4. An toàn vệ sinh lao động

Cán bộ, nhân viên làm việc cho dự án sẽ được trang bị đầy đủ: quần áo đồng phục, găng tay, ủng... để bảo đảm về vệ sinh lao động. Hướng dẫn về nội quy an toàn vệ sinh lao động cho cán bộ, công nhân viên như sau:

- Đảm bảo các yếu tố về khí hậu và điều kiện lao động theo tiêu chuẩn môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.
- Hướng dẫn về nội quy an toàn vệ sinh lao động cho cán bộ, công nhân viên.
- Vệ sinh nhà bếp, nhà ăn sạch sẽ sau mỗi lần chế biến món ăn.
- Không sử dụng các loại thực phẩm được khuyến cáo có khả năng chứa chất độc, các loại thực phẩm lạ.
- Thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và khu vực.
- Thực hiện đầy đủ các quy tắc, quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống sét và an toàn điện.
- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định về môi trường và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường
- Thực hiện đào tạo 1-2 năm/ lần về an toàn vệ sinh lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên theo quy định của nhà nước. Và thực hiện tuyên truyền nhắc nhở về tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

III. MÁY MÓC THIẾT BỊ, QUY TRÌNH SẢN XUẤT

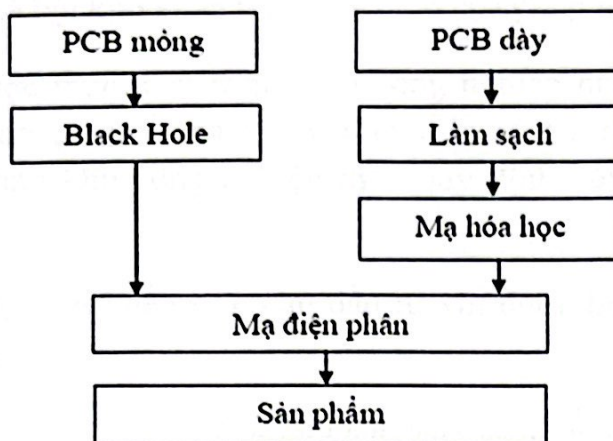
1. Máy móc thiết bị sản xuất:

TT	Tên thiết bị máy móc	Số lượng	Tình trạng
1.	Máy đo độ dài bản mạch	1	Đang hoạt động tốt
2.	Nano Polishing	1	Đang hoạt động tốt
3.	Microscope	1	Đang hoạt động tốt
4.	UV/Vis Spectrometer	1	Đang hoạt động tốt
5.	Máy Blackhole	1	Đang hoạt động tốt
6.	Máy mạ hóa	1	Đang hoạt động tốt
7.	Máy desmear	1	Đang hoạt động tốt
8.	Máy sấy, nén khí	1	Đang hoạt động tốt
9.	Thiết bị cấp - xử lý nước	1	Đang hoạt động tốt
10.	Máy mạ điện	3	Đang hoạt động tốt
11.	Hệ thống tủ điện	1	Đang hoạt động tốt
12.	Hệ thống hút - nén khí	1	Đang hoạt động tốt
13.	Tháp khí	1	Đang hoạt động tốt
14.	Máy khoan kim loại tốc độ cao	1	Đang hoạt động tốt
15.	Máy đo nồng độ analyzer	1	Đang hoạt động tốt
16.	Máy soft etching	1	Đang hoạt động tốt
17.	Máy phân tích CVS	1	Đang hoạt động tốt
18.	Line mạ đồng	1	Đang hoạt động tốt
19.	Máy móc thiết bị khác	1	Đang hoạt động tốt
20.	Hệ thống sản xuất, pha chế dung dịch mạ đồng	1	Đang hoạt động tốt
21.	Máy phổ quang	1	Đang hoạt động tốt
22.	Kính hiển vi kim tương	1	Đang hoạt động tốt
23.	Bơm màng khí nén	1	Đang hoạt động tốt
24.	VP - ICP- OES - Phòng QC	1	Đang hoạt động tốt
25.	máy HPLC phòng R&D	1	Đang hoạt động tốt
26.	Máy Etching R&D	3	Đang hoạt động tốt
27.	Máy bóc tách lớp film DFR R&D	1	Đang hoạt động tốt
28.	Máy móc, thiết bị thí nghiệm và các thiết bị khác	1	Đang hoạt động tốt

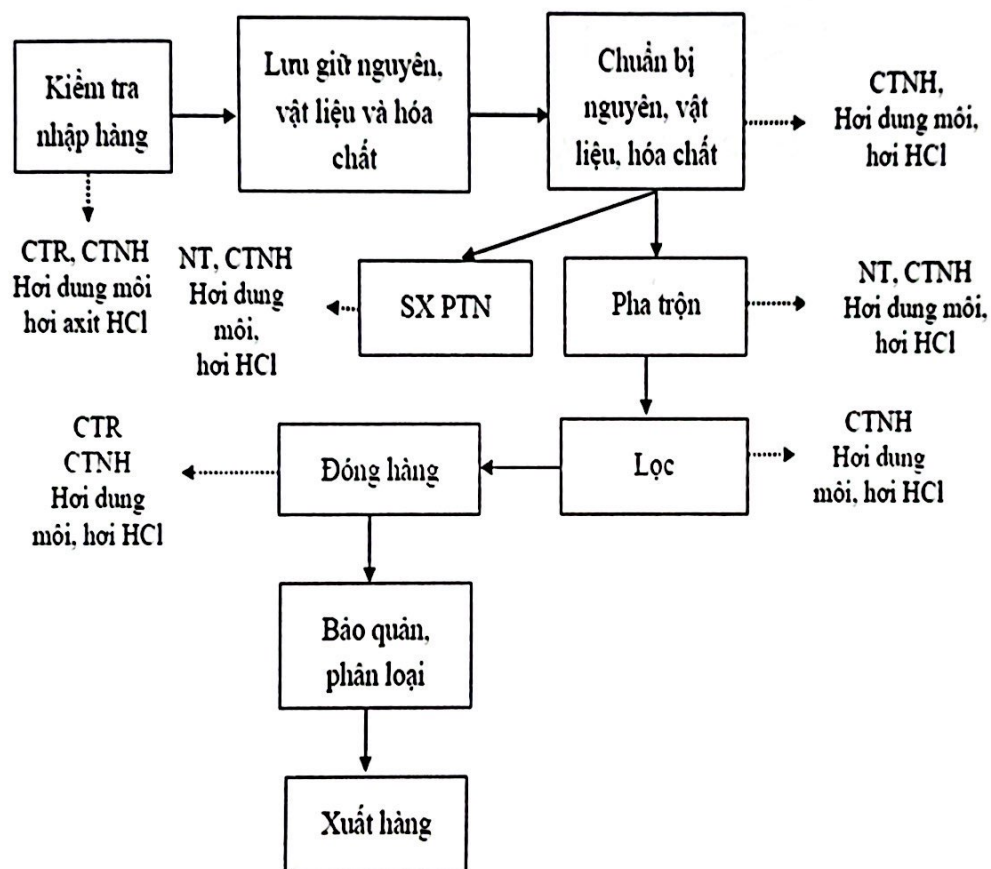
2. Quy trình sản xuất:

a) Quy trình mạ đồng cho PCB:

Quy trình mạ đồng bao gồm: mạ đồng cho PCB mỏng và PCB dày được khái quát như sau:



b) Quy trình sản xuất, pha chế hóa chất



IV. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:

Căn cứ theo quy định tại Điều 22 Nghị định 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định về ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp, khu kinh tế thì Khu công nghiệp là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Dự án được thực hiện trong khu công nghiệp nên Doanh nghiệp đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cho dự án được hưởng các ưu đãi, đầu tư trong khu công nghiệp theo quy định của Nhà nước và của tỉnh.

Các hỗ trợ khác (nếu có), chủ đầu tư xin được hưởng theo quy định hiện hành.

Làm tại Vĩnh Phúc, ngày ..6.. tháng ...3.. năm 2025

